

Tp.HCM, ngày 14 tháng 08 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty : Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ

Mã chứng khoán : DSP

Trụ sở chính : Số 15 đường số 2, CX Lữ Gia, phường 15, Quận 11, Tp.HCM

Điện thoại : : 02838 650 921 Fax: 02838 655 930

Người thực hiện công bố thông tin: **Nguyễn Quốc Anh**

Địa chỉ: Số 15 đường số 2, CX Lữ Gia, phường 15, Quận 11, Tp.HCM

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng) :0903823456

Fax: 0838 655 930

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
(công ty đánh dấu X vào mục cần công bố)

Nội dung thông tin công bố : Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2018 đã được kiểm toán.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/08/2018 tại đường dẫn : <http://www.phuthotourist.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận :

- Như trên

- Lưu

Dính kèm : báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2018



Tổng Giám đốc

Nguyễn Quốc Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH
PHÚ THỌ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 23



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Việt Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Anh	Thành viên
Ông Trần Anh Vương	Thành viên
Ông Nguyễn Đông Hoà	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Đạt	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Hồ Thị Ngọc Như	Trưởng ban
Ông Huỳnh Thanh Hồng	Thành viên
Ông Vũ Thị Thanh Thủy	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Anh	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Song Trọng Chinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dư Hữu Danh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không. Có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

1250
HI NH
CÔNG
NHIỆM
E L O I
I E T I
- T P E I

Số: 153 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2018, từ trang 5 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 27 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Theo đó, Công ty đã phát sinh các khoản công nợ tiềm tàng trước giai đoạn cổ phần do liên đới chịu trách nhiệm trong việc tranh chấp hợp đồng thuê tài chính giữa Công ty TNHH MTV Kexim Việt Nam và Công ty TNHH Thương Mại Trí Đạt và tiền thuê đất bổ sung cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo yêu cầu của các Cơ quan có thẩm quyền nhưng Công ty chưa nộp do chưa thống nhất được đơn giá thuê đất trong giai đoạn này. Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

1-00
ÁNH
TY
HƯ
T
IAN
100

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo soát xét giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo soát xét giữa niên độ 2018 phát hành ngày 13 tháng 08 năm 2018. Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được phát hành ngày 10 tháng 03 năm 2018 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 8 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		463.029.040.851	967.315.408.896
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.171.769.891	13.667.533.813
1. Tiền	111		7.171.769.891	13.667.533.813
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		401.030.000.000	877.730.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	401.030.000.000	877.730.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.252.395.642	70.982.843.062
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.977.634.585	1.817.772.905
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	18.802.921.562	13.157.017.636
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	17.443.493.094	56.008.052.521
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		28.346.401	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.884.428.140	2.659.120.104
1. Hàng tồn kho	141		2.884.428.140	2.659.120.104
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.690.447.178	2.275.911.917
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	2.690.447.178	2.275.911.917
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		982.540.390.605	568.628.850.600
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.878.656.948	5.350.656.948
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		240.000.000	240.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	12.678.656.948	12.150.656.948
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(7.040.000.000)	(7.040.000.000)
II. Tài sản cố định	220		163.207.645.567	170.999.275.308
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	162.881.666.766	170.918.704.794
- Nguyên giá	222		479.876.337.607	466.291.944.052
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(316.994.670.841)	(295.373.239.258)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	325.978.801	80.570.514
- Nguyên giá	228		29.999.912.390	29.530.636.215
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.673.933.589)	(29.450.065.701)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		14.210.058.510	10.330.000.837
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	14.210.058.510	10.330.000.837
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	700.343.017.683	274.443.017.683
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		253.277.125.000	253.277.125.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		23.665.892.683	21.165.892.683
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		423.400.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		98.901.011.897	107.505.899.824
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	98.901.011.897	107.505.899.824
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.445.569.431.456	1.535.944.259.496

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN.	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		135.240.555.396	210.404.866.946
I. Nợ ngắn hạn	310		133.456.667.396	209.225.978.946
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	11.904.297.554	12.311.064.470
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	8.800.744.824	1.918.746.619
3. Phải trả người lao động	314		4.525.990.422	8.587.468.918
4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		442.750.157	505.904.186
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	102.548.229.940	185.489.782.134
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.234.654.499	413.012.619
II. Nợ dài hạn	330		1.783.888.000	1.178.888.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		1.783.888.000	1.178.888.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.310.328.876.060	1.325.539.392.550
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	1.310.328.876.060	1.325.539.392.550
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.186.840.000.000	1.186.840.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69.686.924.280	69.686.924.280
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		53.801.951.780	69.012.468.270
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		4.821.826.390	4.363.909.862
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		48.980.125.390	64.648.558.408
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.445.569.431.456	1.535.944.259.496

Trương Thị Kim Phụng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	195.686.634.489	200.143.019.265
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		195.686.634.489	200.143.019.265
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	153.743.700.843	169.612.598.678
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		41.942.933.646	30.530.420.587
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	38.185.175.847	35.680.015.699
6. Chi phí tài chính	22		9.863	86.359.455
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	8.932.458
7. Chi phí bán hàng	25	22	6.093.480.411	7.915.172.936
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	14.981.775.133	14.743.512.074
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		59.052.844.086	43.465.391.821
10. Thu nhập khác	31		1.047.761.369	776.766.769
11. Chi phí khác	32		869.623.692	553.847.906
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		178.137.677	222.918.863
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		59.230.981.763	43.688.310.684
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	10.250.856.373	7.689.332.839
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		48.980.125.390	35.998.977.845
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	392	283


Trương Thị Kim Phụng
Người lập biểu


Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	59.230.981.763	43.688.310.684
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	22.366.755.511	25.208.551.821
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.534)	(4.918)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(38.020.140.500)	(34.196.249.361)
Chi phí lãi vay	06	-	8.932.458
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	43.577.595.240	34.709.540.684
Thay đổi các khoản phải thu	09	13.269.700.048	(1.018.945.507)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(225.308.036)	568.543.409
Thay đổi các khoản phải trả	11	(5.399.888.203)	19.318.120.207
Thay đổi chi phí trả trước	12	8.190.352.666	6.128.785.223
Thay đổi chứng khoán kinh doanh	13	-	42.347.095.125
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(8.932.458)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.213.789.912)	(18.292.614.652)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(528.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	52.670.661.803	83.751.592.031
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(18.620.307.393)	(22.030.600.574)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	100.000	-
3. Tiền chi cho vay	23	(423.400.000.000)	(1.071.765.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	476.700.000.000	952.395.993.605
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.500.000.000)	-
6. Thu lãi tiền gửi	27	56.645.911.822	68.677.980.148
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	88.825.704.429	(72.721.626.821)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay nhận được	33	-	8.396.185.413
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(8.396.185.413)
3. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(137.992.131.688)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(137.992.131.688)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	3.504.234.544	11.029.965.210
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.667.533.813	11.183.069.825
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.534	4.918
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	17.171.769.891	22.213.039.953


Trương Thị Kim Phụng
Người lập biểu


Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởng


Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ (gọi tắt là "Công ty") chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0301074118 cấp ngày 21 tháng 7 năm 2016 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của Công ty theo như đăng ký là 1.186.840.000.000 đồng tương đương 118.684.000 cổ phần với mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 671 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm các hoạt động sau đây:

- Tổ chức kinh doanh các dịch vụ du lịch vui chơi giải trí, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, dịch vụ du lịch sinh thái rừng ngập mặn;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh xông hơi xoa bóp, karaoke;
- Kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành quốc tế - nội địa;
- Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng;
- Đại lý bán vé máy bay - tàu lửa - tàu thủy;
- Đại lý đối ngoại tệ;
- Dịch vụ về nhiếp ảnh;
- Kinh doanh bãi đậu xe;
- Mua bán: hàng lưu niệm, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, lương thực thực phẩm, thủ công mỹ nghệ, mỹ phẩm, hàng dệt may, rượu, bia, thuốc lá điếu sản xuất trong nước, hoa, cá kiểng, động vật (chim, cá sấu, trăn, rắn);
- Quảng cáo;
- Tổ chức liên hoan, hội chợ;
- Giữ rừng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét bởi kiểm toán viên khác.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải	3 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản khác	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện chi phí đền bù nhà và giải phóng mặt bằng và phần mềm quản lý được ghi nhận ban đầu theo giá mua hay giá đền bù và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Chi phí đền bù nhà và giải phóng mặt bằng	5
Phần mềm quản lý	3 - 5

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Vào các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết: Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm lợi thế kinh doanh, giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành. Trong đó, giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ đường thẳng trong vòng mười năm kể từ ngày phát sinh.

11/2
CHI
CÔ
HNH
EL
IET
TP

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09a-DN

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tiền mặt	2.973.862.500	9.394.953.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.194.749.391	4.247.522.813
Tiền đang chuyển	3.158.000	25.058.000
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
	<u>17.171.769.891</u>	<u>13.667.533.813</u>

Các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi kỳ hạn 2 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Lạc Long Quân với số tiền là 10,000,000,000 đồng và lãi suất 5,5%/năm.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
- Tiền gửi có kỳ hạn - ngắn hạn	401.030.000.000	877.730.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn - dài hạn	423.400.000.000	-
	<u>824.430.000.000</u>	<u>877.730.000.000</u>
b. Đầu tư dài hạn		
Đầu tư vào công ty liên kết	253.277.125.000	253.277.125.000
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	253.277.125.000	253.277.125.000
Đầu tư vào đơn vị khác	23.665.892.683	21.165.892.683
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	19.502.690.096	17.002.690.096
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn Đông Hà	4.163.202.587	4.163.202.587
	<u>276.943.017.683</u>	<u>274.443.017.683</u>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Đầu tư vào Công ty liên kết

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	Thành phố Hồ Chí Minh	33,54%	33,54%	Dịch vụ vui chơi, giải trí và các dịch vụ khác

Đầu tư vào đơn vị khác

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đà Lạt	Thành phố Đà Lạt	10,15%	10,15%	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn
Công ty Cổ phần Sài Gòn Đông Hà	Tỉnh Quảng Trị	3,23%	3,23%	Dịch vụ nhà hàng, khách sạn

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Công ty Intertravel	346.092.000	-
Cảng vụ hàng hải TP. HCM	328.475.000	-
Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Cần Giờ	307.732.385	7.390.000
Các khách hàng khác	1.995.335.200	1.810.382.905
	<u>2.977.634.585</u>	<u>1.817.772.905</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Công ty TNHH khu mua sắm đệ nhất Phan Khang	16.039.915.650	9.435.244.500
Các đối tượng khác	2.763.005.912	3.721.773.136
	<u>18.802.921.562</u>	<u>13.157.017.636</u>

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về cổ tức được chia		14.588.762.400
Phải thu về lãi tiền gửi	13.854.912.279	40.420.527.651
Phải thu về BHXH	278.167.600	273.265.600
Phải thu về BHYT	52.156.425	51.237.300
Phải thu về BHTN	34.770.950	34.158.200
Tạm ứng	274.618.000	69.193.000
Ký cược, ký quỹ	2.709.350.520	160.365.060
Phải thu thuế TNCN của nhân viên	-	183.330.882
Phải thu tiền điện	143.187.890	205.259.300
Phải thu khác	96.329.430	21.953.128
	<u>17.443.493.094</u>	<u>56.008.052.521</u>
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	1.518.000.000	990.000.000
Vấn phòng luật sư An Thái	200.000.000	200.000.000
Phải thu của trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen	10.960.656.948	10.960.656.948
	<u>12.678.656.948</u>	<u>12.150.656.948</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê nhà đất	562.570.800	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	489.451.378	654.965.262
Chi phí sửa chữa	124.380.000	41.380.000
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	1.514.045.000	1.579.566.655
	<u>2.690.447.178</u>	<u>2.275.911.917</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	10.594.183.375	14.149.624.315
Chi phí lợi thế kinh doanh (*)	80.209.648.046	85.301.455.052
Sửa chữa lớn TSCĐ	671.204.724	457.172.136
Khấu hao Bowling	6.995.003.594	6.995.003.594
Chi phí khác	430.972.158	602.644.727
	<u>98.901.011.897</u>	<u>107.505.899.824</u>

(*) Chi phí lợi thế kinh doanh phát sinh sau khi thực hiện xác định Giá trị doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và đã được UBND thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt theo Quyết định số 6040/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015.

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU DÀI HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Văn phòng luật sư An Thái	200.000.000	-	200.000.000	-
Võ Trung Thiệp	240.000.000	-	240.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt	6.600.000.000	-	6.600.000.000	-
	7.040.000.000		7.040.000.000	

Các khoản nợ xấu đã quá hạn trên 3 năm và đã được Công ty trích lập dự phòng 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ
QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị và dụng cụ quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	280.606.118.774	152.836.764.915	28.240.833.766	1.223.167.324	3.385.059.273	466.291.944.052
Tăng trong kỳ	1.991.470.501	407.460.000	699.748.239	1.200.000.000	-	4.298.678.740
Chuyển từ xây dựng dở dang Thanh lý, nhượng bán	6.869.246.896 (103.224.230)	3.103.047.909 (429.355.760)			(154.000.000)	9.972.294.805 (686.579.990)
Số dư cuối kỳ	289.363.611.941	155.917.917.064	28.940.582.005	2.423.167.324	3.231.059.273	479.876.337.607

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư đầu kỳ	153.621.600.610	119.871.856.147	20.090.191.878	1.065.592.781	723.997.842	295.373.239.258
Khấu hao trong kỳ	13.150.354.628	6.851.128.004	1.781.118.772	95.157.784	265.128.435	22.142.887.623
Thanh lý, nhượng bán	(102.347.359)	(401.886.230)			(17.222.451)	(521.456.040)
Số dư cuối kỳ	166.669.607.879	126.321.097.921	21.871.310.650	1.160.750.565	971.903.826	316.994.670.841

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu kỳ	126.984.518.164	32.964.908.768	8.150.641.888	157.574.543	2.661.061.431	170.918.704.794
Tại ngày cuối kỳ	122.694.004.062	29.596.819.143	7.069.271.355	1.262.416.759	2.259.155.447	162.881.666.766

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 90.059.030.755 đồng (năm 2017: 86.578.368.740 đồng).



12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	2.005.887.488	27.524.748.727	29.530.636.215
Tăng trong kỳ	469.276.175	-	469.276.175
Số dư cuối kỳ	2.475.163.663	27.524.748.727	29.999.912.390
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu kỳ	1.925.316.974	27.524.748.727	29.450.065.701
Khấu hao trong kỳ	223.867.888	-	223.867.888
Số dư cuối kỳ	2.149.184.862	27.524.748.727	29.673.933.589
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu kỳ	80.570.514	-	80.570.514
Tại ngày cuối kỳ	325.978.801	-	325.978.801

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 29.377.976.215 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 29.377.976.215 đồng).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỒ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Sửa chữa, cải tạo các hạng mục thuộc công viên Đầm Sen	8.519.592.828	3.886.160.538
Sửa chữa, cải tạo Khu du lịch sinh thái rừng ngập mặn Vàm Sát	2.992.541.380	2.788.882.210
Sửa chữa, cải tạo khách sạn Phú Thọ	2.697.924.302	3.654.958.089
	14.210.058.510	10.330.000.837

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Hàng không VIETJET	1.197.675.563	1.197.675.563	45.864.612	45.864.612
Các nhà cung cấp khác	10.706.621.991	10.706.621.991	12.265.199.858	12.265.199.858
	11.904.297.554	11.904.297.554	12.311.064.470	12.311.064.470

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.078.952.901	11.206.849.389	9.561.322.121	2.724.480.169
Thuế tiêu thụ đặc biệt	137.204.749	787.757.166	798.049.465	126.912.450
Thuế thu nhập doanh nghiệp	703.888.020	10.250.856.373	6.213.789.912	4.740.954.481
Thuế thu nhập cá nhân	(2.190.251)	1.286.747.363	1.203.764.638	80.792.474
Thuế tài nguyên	891.200	5.408.640	5.410.240	889.600
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	14.304.828.726	14.304.828.726	-
Phí, lệ phí và các loại thuế khác	-	1.139.196.825	12.481.175	1.126.715.650
	1.918.746.619	38.981.644.482	32.099.646.277	8.800.744.824

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	211.229.600	204.079.900
Lợi nhuận phải trả cho Sài Gòn Tourist	68.132.824.946	146.782.956.634
Lợi nhuận phải trả cho các bên hợp tác kinh doanh	1.186.196.493	384.519.492
Phải trả liên quan đến hoạt động góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt (*)	29.080.056.313	29.080.056.313
Phải trả, phải nộp khác	3.937.922.588	9.038.169.795
	<u>102.548.229.940</u>	<u>185.489.782.134</u>

(*) Chi tiết các khoản phải trả liên quan đến hợp đồng góp vốn kinh doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Doanh thu cho thuê mặt bằng	27.809.090.884	27.809.090.884
Doanh thu kinh doanh trung tâm Bowling Đầm Sen	1.170.965.429	1.170.965.429
Lãi vay phải trả	100.000.000	100.000.000
	<u>29.080.056.313</u>	<u>29.080.056.313</u>

Các khoản phải trả này phát sinh trong giai đoạn từ 1999 đến 2007 theo Hợp đồng góp vốn liên doanh với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt nhưng hiện nay đã ngưng hoạt động.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	1.186.840.000.000	69.686.924.280	4.854.098.776	1.261.381.023.056
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	35.998.977.845	35.998.977.845
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(485.409.878)	(485.409.878)
Số dư cuối kỳ trước	<u>1.186.840.000.000</u>	<u>69.686.924.280</u>	<u>40.367.666.743</u>	<u>1.296.894.591.023</u>
Số dư đầu kỳ này	1.186.840.000.000	69.686.924.280	69.012.468.270	1.325.539.392.550
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	48.980.125.390	48.980.125.390
Phân phối lợi nhuận	-	-	(59.342.000.000)	(59.342.000.000)
Trích quỹ khen thưởng	-	-	(1.616.213.960)	(1.616.213.960)
Trích quỹ phúc lợi	-	-	(3.232.427.920)	(3.232.427.920)
Số dư cuối kỳ này	<u>1.186.840.000.000</u>	<u>69.686.924.280</u>	<u>53.801.951.780</u>	<u>1.310.328.876.060</u>

Tại ngày 27 tháng 4 năm 2018, Hội đồng Quản trị Công ty công bố chia một phần lợi nhuận chưa phân phối của Công ty với số tiền là 59.342.000.000 đồng theo Nghị Quyết số 03/2018/HĐQT/NQ ngày 27 tháng 4 năm 2018. Trong kỳ, Công ty đã thanh toán khoản cổ tức nêu trên bằng tiền mặt cho các Cổ đông.

Vốn điều lệ

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 1.186.840.000.000 đồng đã được các Cổ đông góp đầy đủ.

Cổ phiếu

	<u>Số đầu kỳ và</u>
	<u>Số cuối kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	118.684.000
Số cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	118.684.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	<u>10.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH PHÚ THỌ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Công ty chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp Cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Tại ngày đầu năm và cuối kỳ, các cổ đông sở hữu số lượng cổ phiếu và chiếm tỷ lệ sở hữu đối với Công ty như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận đầu tư</u>		<u>Vốn đã góp</u> Số cuối kỳ và đầu kỳ
	<u>VND</u>	<u>%</u>	
Tổng công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	581.551.600.000	49	581.551.600.000
Công ty cổ phần Sam Holdings	344.894.250.000	29	344.894.250.000
Cổ đông khác	260.394.150.000	22	260.394.150.000
	<u>1.186.840.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>1.186.840.000.000</u>

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	2.165.050.060	2.843.047.583
Doanh thu cung cấp dịch vụ và hoạt động khác	193.521.584.429	197.299.971.682
	<u>195.686.634.489</u>	<u>200.143.019.265</u>

19. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn hàng bán	1.120.956.929	1.486.617.173
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	152.622.743.914	168.125.981.505
	<u>153.743.700.843</u>	<u>169.612.598.678</u>

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	30.716.365.061	31.107.135.652
Chi phí nhân công	42.523.108.514	38.547.011.476
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.366.755.511	25.208.551.821
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.133.594.402	34.799.125.426
Chi phí khác bằng tiền	43.079.132.899	62.609.459.313
	<u>174.818.956.387</u>	<u>192.271.283.688</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.104.868.000	7.156.169.375
Lãi tiền gửi ngân hàng	30.080.296.450	28.522.841.761
Chiết khấu thanh toán	-	987.626
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.397	16.937
	<u>38.185.175.847</u>	<u>35.680.015.699</u>

01/25
 CHI N
 CÔNG
 CH NH
 SEL
 VIỆT
 - TP

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	539.773.800	568.434.550
Chi phí vật liệu bao bì	15.746.781	8.218.882
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	10.683.314	19.586.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.860.761	55.995.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.160.453	144.396.246
Các khoản chi phí bán hàng khác	5.405.255.302	7.118.541.553
	<u>6.093.480.411</u>	<u>7.915.172.936</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	5.944.292.342	5.086.862.976
Chi phí dụng cụ, đồ dùng và vật liệu văn phòng	112.060.684	81.898.175
Chi phí khấu hao tài sản cố định	509.356.382	312.129.588
Chi phí dịch vụ mua ngoài	213.451.829	263.559.187
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.202.613.896	8.999.062.148
	<u>14.981.775.133</u>	<u>14.743.512.074</u>

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Lợi nhuận trước thuế	59.230.981.763	43.688.310.684
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Trừ: thu nhập không chịu thuế	8.104.868.000	5.673.407.600
- Cộng: các khoản chi phí không được khấu trừ	128.168.100	431.761.110
Thu nhập tính thuế trong kỳ	51.254.281.863	38.446.664.194
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế trong kỳ (*)	<u>10.250.856.373</u>	<u>7.689.332.839</u>

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (năm 2017: 20%) tính trên thu nhập tính thuế.

Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc phải trả được ghi nhận vì không có khoản chênh lệch đáng kể nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ trong báo cáo tài chính giữa niên độ và căn cứ tính thuế được sử dụng trong việc tính lợi nhuận chịu thuế.

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế Công ty tạm tính cho 6 tháng đầu năm 2018, và sẽ được quyết toán với cơ quan thuế tại thời điểm cuối năm theo các quy định hiện hành của cơ quan thuế.

24. LÃI CƠ BÀN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48.980.125.390	35.998.977.845
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.449.006.270	2.424.320.940
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	46.531.119.120	33.574.656.905
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	118.684.000	118.684.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>392</u>	<u>283</u>

Trong kỳ, Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 với số tiền là 4.848.641.880 đồng. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định bằng lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của Kỳ trước được tính lại theo Thông tư 200 cho mục đích so sánh.

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	<u>1.152.000.000</u>	<u>851.800.000</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Phải trả khác	<u>Cuối kỳ</u> VND	<u>Đầu kỳ</u> VND
Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV	68.132.824.946	146.782.956.634
Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen	<u>784.064.000</u>	<u>-</u>

27. NỢ TIỀM TÀNG

- a) Ngày 01 tháng 06 năm 1997, Công ty ký hợp đồng hợp tác liên doanh số 07/HD97 với Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt để thành lập Trung tâm Thương mại Bowling Đầm Sen. Trong quá trình thực hiện, Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt có ký hợp đồng thuê tài sản từ một công ty cho thuê tài chính với Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam (tên cũ Công ty cho thuê tài chính Kexim Việt Nam).

Trong năm 1999, Công ty TNHH Thương mại Chí Đạt và Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam xảy ra tranh chấp liên quan đến hợp đồng cho thuê tài chính. Theo bản án số 1113/2009/KDTM-ST ngày 08 tháng 5 năm 2009, Tòa án Nhân dân tại Thành phố Hồ Chí Minh quyết định, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chịu trách nhiệm liên đới trong việc tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính trên. Sau đó, Công ty đã nộp đơn kháng cáo lên Tòa án Nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 12 tháng 01 năm 2010, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc phẩm lần thứ 2, ra tuyên bố hủy bản án số 1113/2009/KDTM-ST ngày 08/05/2009 và giao cho Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục chung. Vụ án được tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm lần thứ 3 vào ngày 13 tháng 12 năm 2013. Theo đó, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành bản án số 1457/2013/KDTM-ST quyết định Công ty có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam số tiền 2.022.082,725 Đô la Mỹ trừ đi 127.772.000 đồng do đã nộp tiền cho Kho bạc Nhà nước.

Ngày 06 tháng 01 năm 2014 Công ty tiếp tục nộp đơn kháng cáo lên Tòa án Nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 30 tháng 9 năm 2014, Tòa án Nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án để chờ kết quả định giá tài sản tranh chấp của Công ty Tư vấn và Thẩm định giá Đông nam và Tòa án sẽ tiếp tục giải quyết vụ án kinh doanh thương mại này khi lý do tạm đình chỉ bị hủy.

Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2018, do chưa có kết quả định giá tài sản tranh chấp nên Tòa án Nhân dân Tối cao chưa có phán quyết cuối cùng. Vì vậy, các nghĩa vụ nêu trên (hoàn trả cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Kexim Việt Nam số tiền 2.002.082,725 đô la Mỹ - 127.772.000 đồng do đã nộp tiền cho Kho bạc Nhà nước chưa được Công ty phản ánh vào báo cáo tài chính. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan vấn đề này sẽ được Công ty ghi nhận đầy đủ vào sổ kế toán và phản ánh đầy đủ vào báo cáo tài chính khi có bản án chính thức từ Tòa án Nhân dân Tối cao.

Ngày 05 tháng 5 năm 2016, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh gửi Thông báo số 5155/TB-CT cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ về việc xác định lại Đơn giá thuê đất, thuê mặt nước từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 của khu đất có diện tích 318.636 m² tại số 03 Hòa Bình, Phường 3, quận 11, Tp. Hồ Chí Minh. Theo đó, đơn giá đất được xác định như sau:

_Từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 đơn giá thuê đất được xác định là 60.000 đồng/m²;

_Từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đơn giá thuê đất được xác định là 178.000 đồng /m²;

_Từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 đơn giá thuê đất là 225.720 đồng /m² (đối với 107.431,4 m² đất kinh doanh làm khu vui chơi giải trí) và 166.320 đồng/m² (đối với 211.204,6 m² đất xây dựng công trình công cộng có mục đích kinh doanh).

Tuy nhiên, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ, tiền thân của Công ty Cổ phần Du lịch Phú Thọ, chưa thống nhất được đơn giá thuê đất cũng như Công ty chưa nhận được thông báo tiền thuê đất chính thức của Chi cục Thuế Quận 11 nên Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chưa thực hiện nghĩa vụ này kể từ thời điểm nhận được Thông báo số 5155/TB-CT cho đến khi Công ty trở thành Công ty Cổ phần vào ngày 16 tháng 5 năm 2017 và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này.

Mặt khác, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ đã gửi các văn bản đến các cơ quan có chức năng nhằm đề xuất xem xét miễn, giảm và xác định lại đơn giá tiền thuê đất trong giai đoạn này vì sau khi làm việc với các Cơ quan có thẩm quyền thì đơn giá tiền thuê đất trong năm 2017 và 2018 giảm đi khá nhiều. Vì vậy, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ chưa xác định và hạch toán bổ sung tiền thuê đất này, đồng thời, chưa xem xét ảnh hưởng của vấn đề này đến tiền thuế TNDN và phân phối lợi nhuận trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho đến thời điểm cổ phần hóa vào ngày 16 tháng 5 năm 2016.

Tương tự, Công ty Cổ phần Du lịch Phú Thọ chưa hạch toán bổ sung tiền thuê đất này cũng như chưa xem xét đến các ảnh hưởng có thể có đến báo cáo tài chính của Công ty cho đến thời điểm điểm hiện tại do Công ty chưa nhận được ý kiến phản hồi từ Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thuế Quận 11 cho đến thời điểm lập báo cáo này.

Đến thời điểm này, UBND Tp. Hồ Chí Minh chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa lại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ, do đó, trong thời gian chờ ý kiến cuối cùng từ UBND Thành phố Hồ Chí Minh để tiến hành các công việc xử lý về mặt kế toán kể từ khi Công ty chính thức trở thành Công ty Cổ phần.

28. THÔNG TIN KHÁC

Ngày 30 tháng 11 năm 2015, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – TNHH MTV thành công ty cổ phần với vốn điều lệ 1.186.840.000.000 đồng tương ứng 118.684.000 cổ phần theo Quyết định số 6321/QĐ-UBND. Từ ngày 17 tháng 05 năm 2016, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần 12 số 0301074118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trương Thị Kim Phụng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nguyên
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 14 tháng 8 năm 2018

